

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS GÒ XOÀI

| SỐ TT | SBD   | HỌ VÀ TÊN THÍ SINH |        | Lớp | PHÁI | NGÀY SINH  | NƠI SINH              | ĐIỂM CÁC BÀI THI |        |      | ĐIỂM CỘNG | TỔNG ĐIỂM |
|-------|-------|--------------------|--------|-----|------|------------|-----------------------|------------------|--------|------|-----------|-----------|
|       |       |                    |        |     |      |            |                       | VĂN              | N. NGỮ | TOÁN |           |           |
| 1     | 45229 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC  | BĂNG   | 9A3 | NỮ   | 31/05/2001 | BC - TP.HCM           | 5.00             | 3.75   | 4.75 | 1.50      |           |
| 2     | 45243 | VƯƠNG THẢO         | CHÂU   | 9A1 | NỮ   | 01/02/2001 | ĐỒ LƯƠNG - NGHỆ AN    | 7.00             | 2.75   | 7.00 | 1.00      |           |
| 3     | 45246 | NGUYỄN QUẾ         | CHI    | 9A2 | NỮ   | 01/04/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.00             | 3.25   | 3.50 | 0.50      |           |
| 4     | 45247 | TRẦN CẨM MAI       | CHI    | 9A1 | NỮ   | 05/08/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 4.25             | 2.25   | 3.25 | 1.00      |           |
| 5     | 45250 | NGUYỄN THỊ KIỀU    | CHINH  | 9A1 | NỮ   | 12/10/2001 | TIỀN GIANG            | 6.75             | 4.00   | 4.50 | 0.50      |           |
| 6     | 45253 | VÕ THỊ KIM         | CƯỜNG  | 9A1 | NỮ   | 21/07/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 4.75             | 3.25   | 3.75 | 1.00      |           |
| 7     | 45267 | DƯƠNG THỊ NGỌC     | DUNG   | 9A2 | NỮ   | 19/01/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.00             | 4.75   | 6.25 | 1.50      |           |
| 8     | 45274 | NGUYỄN LÊ BẢO      | DUY    | 9A3 | NAM  | 05/05/2001 | Q.5 - TP. HCM         | 7.00             | 7.25   | 7.00 | 1.50      |           |
| 9     | 45276 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH  | DUY    | 9A1 | NỮ   | 04/08/2001 | Q.5 - TPHCM           | 7.00             | 4.00   | 6.00 | 1.50      |           |
| 10    | 45278 | NGUYỄN THỊ THANH   | DUY    | 9A2 | NỮ   | 01/09/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5.75             | 3.75   | 5.50 | 2.50      |           |
| 11    | 45283 | TRỊNH HOÀNG        | DUY    | 9A1 | NAM  | 22/03/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 6.25             | 5.50   | 5.75 | 1.50      |           |
| 12    | 45290 | PHẠM THỊ MỸ        | DUYÊN  | 9A3 | NỮ   | 01/08/2001 | TPHCM                 | 6.00             | 4.50   | 6.00 | 1.50      |           |
| 13    | 45314 | HỒ THỊ NGỌC        | DIỆP   | 9A2 | NỮ   | 31/08/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.50             | 4.50   | 6.25 | 1.50      |           |
| 14    | 45340 | HỒ THỊ MỸ          | HẠNH   | 9A3 | NỮ   | 01/01/2001 | BC - TP.HCM           | 6.00             | 4.00   | 3.50 | 1.50      |           |
| 15    | 45341 | NGUYỄN NHẬT        | HÀO    | 9A3 | NAM  | 30/03/2001 | BC - TP.HCM           | 5.00             | 1.75   | 4.25 | 1.50      |           |
| 16    | 45352 | PHẠM THỊ NGỌC      | HÂN    | 9A2 | NỮ   | 08/09/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.00             | 5.00   | 6.75 | 1.50      |           |
| 17    | 45359 | LÊ THỊ             | HẬU    | 9A2 | NỮ   | 30/12/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5.25             | 2.50   | 4.00 | 1.50      |           |
| 18    | 45360 | NGUYỄN MINH        | HẬU    | 9A1 | NAM  | 04/12/2001 | Q.5 - TPHCM           | 5.50             | 2.75   | 7.00 | 1.50      |           |
| 19    | 45383 | LẠI THỊ TUYẾT      | HOA    | 9A1 | NỮ   | 03/06/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 7.00             | 3.75   | 5.50 | 1.50      |           |
| 20    | 45432 | PHAN NGUYỄN QUỲNH  | HƯỜNG  | 9A3 | NỮ   | 09/05/2001 | BC- TP.HCM            | 7.00             | 5.75   | 6.50 | 1.50      |           |
| 21    | 45434 | NGUYỄN THỊ CẨM     | HƯỜNG  | 9A3 | NỮ   | 08/11/2001 | TPHCM                 | 6.50             | 4.75   | 8.00 | 0.00      |           |
| 22    | 45447 | TRẦN ĐĂNG          | KHOA   | 9A3 | NAM  | 07/03/2001 | BC- TP.HCM            | 4.00             | 1.25   | 2.00 | 1.50      |           |
| 23    | 45449 | NGUYỄN HỒNG        | KHUYÊN | 9A1 | NỮ   | 08/01/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 6.50             | 4.25   | 4.50 | 1.50      |           |
| 24    | 45456 | VÕ TUẤN            | KIỆT   | 9A3 | NAM  | 11/02/2001 | Q.5 - TP. HCM         | 3.50             | 0.75   | 2.75 | 1.00      |           |
| 25    | 45464 | NGUYỄN THỊ MAI     | LAN    | 9A1 | NỮ   | 24/02/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 6.00             | 3.00   | 6.75 | 1.50      |           |
| 26    | 45469 | NGUYỄN NGỌC        | LIÊN   | 9A3 | NỮ   | 08/03/2001 | BC- TP.HCM            | 7.00             | 4.00   | 6.50 | 1.50      |           |

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS GÒ XOÀI

| SỐ TT | SBD   | HỌ VÀ TÊN THÍ SINH |        | Lớp | PHÁI | NGÀY SINH  | NƠI SINH              | ĐIỂM CÁC BÀI THI |        |      | ĐIỂM CỘNG | TỔNG ĐIỂM |
|-------|-------|--------------------|--------|-----|------|------------|-----------------------|------------------|--------|------|-----------|-----------|
|       |       |                    |        |     |      |            |                       | VĂN              | N. NGŨ | TOÁN |           |           |
| 27    | 45477 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG   | LINH   | 9A3 | NỮ   | 03/08/2001 | TPHCM                 | 6.50             | 3.25   | 4.00 | 1.00      |           |
| 28    | 45478 | TRẦN THỊ HIỀN      | LINH   | 9A3 | NỮ   | 24/04/2001 | TPHCM                 | 6.50             | 3.25   | 4.75 | 1.50      |           |
| 29    | 45498 | PHẠM THẾ THANH     | LUÂN   | 9A2 | NAM  | 08/06/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.00             | 4.25   | 7.25 | 1.50      |           |
| 30    | 45521 | TRẦN MỘNG          | MƠ     | 9A2 | NỮ   | 25/08/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.00             | 4.50   | 6.75 | 1.50      |           |
| 31    | 45529 | LÊ HOÀNG           | MỸ     | 9A1 | NỮ   | 25/05/2001 | CẦN ĐUỐC - LONG AN    | 5.50             | 4.00   | 6.75 | 1.50      |           |
| 32    | 45553 | THÁI THỊ GIANG     | NGÂN   | 9A3 | NỮ   | 09/06/2001 | BC - TP.HCM           | 7.00             | 6.75   | 6.50 | 1.50      |           |
| 33    | 45557 | NGUYỄN THỊ KIỀU    | NGHI   | 9A3 | NỮ   | 11/11/2001 | TPHCM                 | 7.25             | 6.25   | 4.50 | 1.50      |           |
| 34    | 45563 | LÊ HOÀI            | NGỌC   | 9A2 | NỮ   | 22/06/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 8.50             | 5.50   | 6.00 | 1.50      |           |
| 35    | 45572 | HỒ VĂN             | NHÂN   | 9A1 | NAM  | 24/04/2001 | Q.5 - TPHCM           | 5.00             | 2.00   | 5.25 | 1.50      |           |
| 36    | 45600 | CAO THỊ THÙY       | NHUNG  | 9A2 | NỮ   | 07/09/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.75             | 7.00   | 6.75 | 1.50      |           |
| 37    | 45602 | LÊ THỊ HỒNG        | NHUNG  | 9A1 | NỮ   | 15/05/2001 | Q.5 - TPHCM           | 5.75             | 4.75   | 6.00 | 1.50      |           |
| 38    | 45605 | TRẦN THỊ HỒNG      | NHUNG  | 9A3 | NỮ   | 20/08/2001 | BC- TP.HCM            | 6.75             | 5.25   | 7.00 | 1.50      |           |
| 39    | 45610 | LÊ THỊ QUỲNH       | NHƯ    | 9A1 | NỮ   | 21/09/2001 | CẦN GIUỘC - LONG AN   | 4.25             | 5.00   | 6.00 | 1.50      |           |
| 40    | 45617 | LÊ TRẦN MINH       | NHỰT   | 9A2 | NAM  | 08/05/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.25             | 7.50   | 6.25 | 1.50      |           |
| 41    | 45620 | NGUYỄN THỊ HỒNG    | NI     | 9A3 | NỮ   | 15/04/2001 | LONG AN               | 6.25             | 4.25   | 7.00 | 1.50      |           |
| 42    | 45625 | LÊ TẤN             | PHÁT   | 9A3 | NAM  | 30/10/2001 | Q.5 - TP. HCM         | 5.50             | 3.00   | 3.50 | 1.50      |           |
| 43    | 45630 | TRẦN LONG          | PHI    | 9A2 | NAM  | 07/03/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5.25             | 2.00   | 3.25 | 1.50      |           |
| 44    | 45636 | HUỲNH THANH        | PHÚ    | 9A3 | NAM  | 17/04/2001 | TPHCM                 | 5.50             | 8.50   | 6.00 | 1.00      |           |
| 45    | 45639 | PHẠM MINH          | PHÚ    | 9A2 | NAM  | 10/05/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5.00             | 2.00   | 3.25 | 1.50      |           |
| 46    | 45640 | NGUYỄN TẤN         | PHÚC   | 9A2 | NAM  | 24/02/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5.75             | 4.00   | 5.00 | 1.50      |           |
| 47    | 45653 | NGUYỄN HOÀNG MỸ    | PHƯƠNG | 9A3 | NỮ   | 21/09/2001 | LONG AN               | 7.00             | 5.75   | 4.75 | 1.50      |           |
| 48    | 45657 | HUỲNH THỊ BÍCH     | PHƯỢNG | 9A1 | NỮ   | 18/03/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 5.50             | 2.75   | 4.50 | 1.00      |           |
| 49    | 45665 | DƯƠNG PHÚ          | QUÝ    | 9A2 | NAM  | 28/01/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 4.50             | 2.50   | 3.50 | 1.50      |           |
| 50    | 45669 | NGUYỄN THỊ TÚ      | QUYÊN  | 9A2 | NỮ   | 28/03/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.75             | 3.50   | 6.25 | 1.50      |           |
| 51    | 45713 | VÕ CHÂU            | THANH  | 9A1 | NAM  | 21/08/2001 | ĐỨC HÒA - LONG AN     | 5.50             | 2.75   | 8.25 | 1.50      |           |
| 52    | 45718 | LÊ VĂN             | THÀNH  | 9A1 | NAM  | 18/09/2001 | Q.5 - TPHCM           | 3.50             | 2.25   | 2.50 | 1.00      |           |

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS GÒ XOÀI

| SỐ TT | SBD   | HỌ VÀ TÊN THÍ SINH |        | Lớp | PHÁI | NGÀY SINH  | NƠI SINH              | ĐIỂM CÁC BÀI THI |        |      | ĐIỂM CỘNG | TỔNG ĐIỂM |
|-------|-------|--------------------|--------|-----|------|------------|-----------------------|------------------|--------|------|-----------|-----------|
|       |       |                    |        |     |      |            |                       | VĂN              | N. NGŨ | TOÁN |           |           |
| 53    | 45743 | NGUYỄN THỊ KIM     | THI    | 9A1 | NỮ   | 04/07/2001 | LONG AN               | 5.75             | 3.00   | 6.25 | 1.50      |           |
| 54    | 45747 | NGUYỄN NGỌC        | THIỆN  | 9A2 | NAM  | 25/05/2000 | TP.HCM                | 6.25             | 3.75   | 5.75 | 1.00      |           |
| 55    | 45750 | TRẦN TRUNG         | THIỆN  | 9A1 | NAM  | 23/07/2001 | Q.5 - TPHCM           | 6.25             | 6.25   | 8.50 | 1.50      |           |
| 56    | 45751 | DƯƠNG PHÚ          | THỊNH  | 9A2 | NAM  | 11/05/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.25             | 3.50   | 4.75 | 1.50      |           |
| 57    | 45764 | HUỲNH PHƯỚC        | THUẬN  | 9A1 | NAM  | 02/08/2001 | Q.5 - TPHCM           | 4.50             | 2.25   | 5.00 | 1.50      |           |
| 58    | 45767 | LÊ THANH           | THÙY   | 9A2 | NỮ   | 07/01/2001 | TỈNH LONG AN          | 5.00             | 3.25   | 3.25 | 1.50      |           |
| 59    | 45775 | NGÔ THANH          | THÚY   | 9A2 | NỮ   | 22/08/2001 | TỈNH LONG AN          | 6.25             | 3.00   | 6.50 | 1.50      |           |
| 60    | 45789 | LÂM MINH           | THỨ    | 9A3 | NỮ   | 08/10/2001 | Q.5 - TP. HCM         | 6.50             | 5.25   | 4.75 | 1.50      |           |
| 61    | 45875 | ĐÀO QUỐC           | TRUNG  | 9A2 | NAM  | 13/05/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.00             | 6.75   | 6.00 | 1.50      |           |
| 62    | 45882 | PHẠM THANH         | TRƯỜNG | 9A2 | NAM  | 24/01/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 6.50             | 1.75   | 6.00 | 1.50      |           |
| 63    | 45887 | NGUYỄN THỊ CẨM     | TÚ     | 9A3 | NỮ   | 26/08/2001 | TPHCM                 | 5.50             | 3.75   | 4.25 | 1.50      |           |
| 64    | 45889 | NGUYỄN TÚ          | TÚ     | 9A1 | NỮ   | 25/04/2001 | BÌNH CHÁNH - TPHCM    | 6.25             | 3.25   | 5.00 | 1.50      |           |
| 65    | 45897 | NGUYỄN MINH        | TUẤN   | 9A3 | NAM  | 15/02/2001 | TPHCM                 | 5.00             | 2.75   | 2.75 | 1.50      |           |
| 66    | 45911 | NGUYỄN THỊ THANH   | TUYỀN  | 9A2 | NỮ   | 24/10/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 7.00             | 6.00   | 6.75 | 1.50      |           |
| 67    | 45915 | DƯƠNG THỊ KIM      | TUYẾT  | 9A1 | NỮ   | 12/01/2001 | LƯƠNG HÒA - LONG AN   | 7.25             | 4.75   | 6.00 | 1.00      |           |
| 68    | 45920 | HUỲNH LÊ KIM       | UYÊN   | 9A3 | NỮ   | 25/03/2001 | TIỀN GIANG            | 7.00             | 5.25   | 4.75 | 1.50      |           |
| 69    | 45921 | LÊ THỊ PHƯƠNG      | UYÊN   | 9A3 | NỮ   | 16/11/2001 | TPHCM                 | 6.25             | 6.00   | 5.75 | 1.50      |           |
| 70    | 45936 | TRẦN QUANG         | VINH   | 9A2 | NAM  | 30/01/2001 | THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 3.00             | 3.50   | 4.00 | 1.50      |           |
| 71    | 45950 | NGUYỄN THỊ THẢO    | VY     | 9A2 | NỮ   | 28/12/2001 | ĐỒNG NAI              | 6.75             | 4.00   | 6.75 | 0.00      |           |

TỔNG CỘNG CÓ 71 THÍ SINH

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS GÒ XOÀI

| Số<br>TT | SBD | HỌ VÀ TÊN<br>THÍ SINH | Lớp | PHÁI | NGÀY<br>SINH | NƠI SINH | ĐIỂM CÁC BÀI THI |        |      | ĐIỂM<br>CỘNG | TỔNG<br>ĐIỂM |
|----------|-----|-----------------------|-----|------|--------------|----------|------------------|--------|------|--------------|--------------|
|          |     |                       |     |      |              |          | VĂN              | N. NGỮ | TOÁN |              |              |